TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-03- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Thành

2/ Ông Lương Văn Cẩu

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Cao Thị Mỹ X, sinh năm: 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2.*Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 487, Tổ 17, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/82018, nguyên đơn chị Cao Thị Mỹ X trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2008, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc

được hơn 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, anh Đ sinh ra ăn chơi, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo gia đình vợ con. Vợ chồng luôn bất hòa trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Chị đã nộp đơn xin ly hôn anh Đ đến Tòa án nhưng sau đó chị cho anh Đ cơ hội hàn gắn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi ngày càng quá đáng. Từ tháng 7/2017, vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ.

- Về con chung: có 02(hai) con chung tên: Lê Dương T, sinh ngày 9/8/2009 và anh Lê Phước V, sinh ngày 6/4/2014. Hiện cháu Lê Dương T đang sống với cha, còn cháu Lê Phước V đang sống với chị X. Sau ly hôn chị đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý nuôi cháu V, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn Đ vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị X. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh Đ tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh Đ hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 17, ấp V, xã Vĩnh H , huyện C, tỉnh An Giang, nhưng anh Đ vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, cho chị X ly hôn với anh Đ. Về con chung: Đề nghị giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, cháu Vinh cho chị X nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lê Văn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Cao Thị Mỹ X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn Đ và chị Cao Thị Mỹ X theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Cao Thị Mỹ X và anh Lê Văn Đ kết hôn vào năm 2008, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị X trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống với cha mẹ chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, anh Đ inh ra ăn chơi, không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo gia đình vợ con. Vợ chồng luôn bất hòa trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Chị đã nộp đơn xin ly hôn anh Đ đến Tòa án nhưng sau đó chị cho anh Đ cơ hội hàn gắn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi ngày càng quá đáng. Từ tháng 7/2017, vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh Đ cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị X. Theo xác minh ông Lê Văn T (là cha ruột anh Đ) cho biết giữa chị X và anh Đ có xãy ra mâu thuẫn thường xuyên, sau đó có hàn gắn lại nhưng không thành. Từ tháng 7 năm 2017 thì X bỏ đi cho đến nay, theo ông thì khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa X và Đ là không được. Hiện tại chị X xác định không còn tình cảm với anh Đ, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị cũng như nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị X và anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: Có 02(hai) con chung tên: Có 02(hai) con chung tên: Lê Dương T , sinh ngày 9/8/2009 và anh Lê Phước V , sinh ngày 6/4/2014. Hiện cháu Lê Dương T đang sống với cha, còn cháu Lê Phước V đang sống với chị X. Sau ly hôn chị đồng ý giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý nuôi cháu V, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 18/2/2019 cháu T cũng có nguyện vọng sống với anh Đ, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Còn đối với cháu V từ nhỏ đến nay cháu sống với chị X, được chị chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để anh Đ được tiếp tục nuôi cháu T và chị X được cháu V là phù hợp. Chị X thì không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Đ thì không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành cho anh Đ quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh Đ có yêu cầu. Anh Đ và chị X phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh, chị thực hiện quyền này**.**

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Cao Thị Mỹ X trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Chị Cao Thị Mỹ X được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Cao Thị Mỹ X. Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Mỹ X và anh Lê Văn Đ

Giấy chứng nhận kết hôn số: 225 /KH, ngày 12/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Chị Cao Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Phước V, sinh ngày 6/4/2014 và anh Lê Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Dương T, sinh ngày 9/8/2009. Chị Cao Thị Mỹ X không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành cho anh Đ quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh Đ có yêu cầu. Anh Đ và chị X phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau được quyền tới lui chăm sóc cháu V và cháu T, không ai được cản trở khi anh, chị thực hiện quyền này

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Cao Thị Mỹ X trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị Mỹ X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008737 ngày 3/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Cao Thị Mỹ X và anh Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung